

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

10/10/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2016 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Triều Thanh	Chủ tịch	
Ông Bùi Quang Đạo	Phó chủ tịch	
Bà Đặng Thị Hồng Phương	Ủy viên	
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Ủy viên	
Ông Nguyễn Quốc Cường	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2016
Phạm Văn Toàn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2016

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Văn Toàn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Nam Trung	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Thanh Duyên	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kiều Oanh	Thành viên
Ông Lê Trung Dũng	Thành viên

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Tư Thịnh

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 20/03/2017, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 20 trong Báo cáo tài chính về khoản lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2016 là 443.217.922.927 đồng, đã vượt Vốn chủ sở hữu số tiền 64.164.186.831 đồng, điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày theo giả định hoạt động liên tục.



A blue ink signature of Mai Việt Hùng, written in a cursive style.

Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0666-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Mai Việt Hùng
Kiểm toán viên

Giấy ĐKHN Kiểm toán số 2334-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.938.263.483	15.705.349.451
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.044.453.298	1.017.176.332
Tiền	111		4.044.453.298	1.017.176.332
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.693.868.130	13.723.887.479
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	11.226.418.208	13.328.320.680
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		82.621.000	200.603.495
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	663.192.971	294.464.002
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5;6	(278.364.049)	(99.500.698)
Hàng tồn kho	140		336.439.209	407.019.965
Hàng tồn kho	141	7	336.439.209	407.019.965
Tài sản ngắn hạn khác	150		863.502.846	557.265.675
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	862.361.081	476.171.275
Thuế GTGT được khấu trừ	152		245.455	78.627.912
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	896.310	2.466.488
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.311.228.537	41.720.668.563
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		5.614.888.809	6.690.434.382
Tài sản cố định hữu hình	221	9	5.614.888.809	6.690.434.382
- Nguyên giá	222		19.038.455.223	17.757.887.042
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.423.566.414)	(11.067.452.660)
Tài sản cố định vô hình	227	10	-	-
- Nguyên giá	228		71.580.000	71.580.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(71.580.000)	(71.580.000)
Bất động sản đầu tư	230	11	32.555.305.214	33.330.431.529
- Nguyên giá	231		36.430.936.788	36.430.936.788
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.875.631.574)	(3.100.505.259)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.400.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.400.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		473.212.674.000	473.212.674.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(473.212.674.000)	(473.212.674.000)
Tài sản dài hạn khác	260		141.034.514	299.802.652
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	141.034.514	299.802.652
TỔNG TÀI SẢN	270		55.249.492.020	57.426.018.014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		119.413.678.851	120.286.298.494
Nợ ngắn hạn	310		17.164.306.098	15.446.589.901
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	11.564.871.915	12.658.295.016
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.993.929.179	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	211.423.149	-
Phải trả người lao động	314		515.046.490	449.876.364
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	620.882.473	1.182.548
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	256.431.600	283.404.681
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	-	2.052.110.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.721.292	1.721.292
Nợ dài hạn	330		102.249.372.753	104.839.708.593
Chi phí phải trả dài hạn	333	15	17.736.873.262	18.165.129.922
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	17	84.512.499.491	86.674.578.671
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(64.164.186.831)	(62.860.280.480)
Vốn chủ sở hữu	410	20	(64.164.186.831)	(62.860.280.480)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		365.050.000.000	365.050.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		365.050.000.000	365.050.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		11.500.000.000	11.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.340.736.096	2.340.736.096
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		163.000.000	163.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(443.217.922.927)	(441.914.016.576)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(441.914.016.576)	(287.197.635.080)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.303.906.351)	(154.716.381.496)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		55.249.492.020	57.426.018.014



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc
Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Tư Thịnh
Kế toán trưởng

Vũ Thị An
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	51.507.649.075	69.964.735.108
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		51.507.649.075	69.964.735.108
Giá vốn hàng bán	11	21	46.723.391.562	63.173.138.797
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.784.257.513	6.791.596.311
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	7.081.282	48.295.500
Chi phí tài chính	22		33.290.037	155.247.827.542
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>31.803.516</i>	<i>1.182.548</i>
Chi phí bán hàng	25	23	617.538.162	673.251.535
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	6.183.697.576	6.694.814.908
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.043.186.980)	(155.776.002.174)
Thu nhập khác	31	24	1.209.324.999	1.218.916.265
Chi phí khác	32	25	470.044.370	159.295.587
Lợi nhuận khác	40		739.280.629	1.059.620.678
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.303.906.351)	(154.716.381.496)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.303.906.351)	(154.716.381.496)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(36)	(4.238)
Lỗ suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc
Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Tư Thịnh
Kế toán trưởng

Vũ Thị An
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(1.303.906.351)	(154.716.381.496)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.271.814.340	3.640.521.207
Các khoản dự phòng	03		178.863.351	155.272.835.311
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(219.512)	(273.069)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(22.016.137)	(42.386.810)
Chi phí lãi vay	06		31.803.516	1.182.548
Các điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.156.339.207	4.155.497.691
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09		1.933.263.336	(2.994.790.514)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10		70.580.756	(326.929.330)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.092.127.189	(6.502.185.792)
(Giảm)/Tăng chi phí trả trước	12		(227.421.668)	860.495.147
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(31.803.516)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		204.542.401	61.750.892
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.066.760.041)	(124.113.243)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.130.867.664	(4.870.275.149)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(62.480.000)	(1.234.758.599)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		7.000.000	454.545.454
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.779.790	11.578.631
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(51.700.210)	(768.634.514)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		813.782.020	2.052.110.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.865.892.020)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(4.785.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.052.110.000)	2.047.325.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.027.057.454	(3.591.584.663)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	1.017.176.332	4.608.487.926
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		219.512	273.069
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	4.044.453.298	1.017.176.332



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc
Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Tư Thịnh
Kế toán trưởng

Vũ Thị An
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 5700688013 do Sở kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02/11/2007. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất thay đổi lần thứ 3 ngày 20 tháng 12 năm 2013.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần 03 ngày 20/12/2013, Vốn điều lệ của Công ty là: 405.000.000.000 VNĐ (Bốn trăm linh năm tỷ đồng) được chia thành 40.500.000 cổ phần với mệnh giá trên 1 cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Số cán bộ công nhân viên tại 31/12/2016 là 48 người (tại ngày 31/12/2015 là 48 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm 2016 là vận tải hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty dưới 12 tháng, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hóa và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Hoạt động được thực hiện vận chuyển từ khách hàng đến cảng và thời gian thực hiện các hợp đồng ngắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỶ KẾ TOÁN**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

- Công ty liên doanh: là Công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.
- Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác)

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh là thời điểm Công ty đạt được quyền đồng kiểm soát hoặc đạt được quyền biểu quyết ảnh hưởng đáng kể đến bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty liên kết, liên doanh và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá xuất của hàng hóa miễn thuế được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.6 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	11
Phương tiện vận tải	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình của Công ty là: phần mềm máy tính (bao gồm phần mềm kế toán và phần mềm Win server).

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm
Phần mềm kế toán	02 - 03

3.9 GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.9 GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)**

Trong thời gian nắm giữ, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định tương tự của Công ty trong vòng 47 năm.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định và có giá gốc trên 5 triệu đồng, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 02 năm.

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Cổ tức, lợi nhuận được chia ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.13 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.15 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh, Công ty TNHH Cảng Công-ten-ơ Quốc tế Cái Lân, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm 2016 được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	78.005.027	112.128.212
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.966.448.271	905.048.120
	4.044.453.298	1.017.176.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	11.226.418.208	(256.628.680)	13.328.320.680	(99.500.698)
- Công ty Cổ phần Thương mại Lương Sơn	219.402.090	-	803.720.100	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Bolloré Logistics Việt Nam	-	-	784.861.000	-
- Công ty cổ phần tiếp vận tân Cảng Miền Bắc	141.900.000	-	1.401.400.000	-
- Công ty TNHH Xây lúa mì VFM-WILMAR	1.521.683.130	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	7.246.961.856	-	6.337.414.784	-
- Các đối tượng khác	2.096.471.132	(256.628.680)	4.000.924.796	(99.500.698)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
	11.226.418.208	(256.628.680)	13.328.320.680	(99.500.698)

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	663.192.971	(21.735.369)	294.464.002	-
- Tạm ứng cho nhân viên	602.777.555	-	246.004.384	-
- Phải thu khác	60.415.416	(21.735.369)	31.735.369	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	16.724.249	-
Dài hạn	-	-	-	-
	663.192.971	(21.735.369)	294.464.002	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	112.483.899	-	101.718.252	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	223.955.310	-	305.301.713	-
	336.439.209	-	407.019.965	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	862.361.081	476.171.275
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	347.164.434	284.331.538
- Chi phí bằng tiền chờ phân bổ	515.196.647	191.839.737
Dài hạn	141.034.514	299.802.652
- Chi phí bằng tiền chờ phân bổ	47.449.309	155.749.376
- Chi phí trả trước dài hạn khác	93.585.205	144.053.276
	1.003.395.595	775.973.927

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2016	181.911.819	489.800.000	16.873.899.223	212.276.000	17.757.887.042
- Mua trong năm	-	1.462.480.000	-	-	1.462.480.000
- Thanh lý, nhượng bán	(181.911.819)	-	-	-	(181.911.819)
31/12/2016	-	1.952.280.000	16.873.899.223	212.276.000	19.038.455.223
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2016	(110.255.635)	(81.633.334)	(10.663.287.691)	(212.276.000)	(11.067.452.660)
- Khấu hao trong năm	(27.792.083)	(209.597.515)	(2.256.771.874)	-	(2.494.161.472)
- Thanh lý, nhượng bán	138.047.718	-	-	-	138.047.718
31/12/2016	-	(291.230.849)	(12.920.059.565)	(212.276.000)	(13.423.566.414)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2016	71.656.184	408.166.666	6.210.611.532	-	6.690.434.382
31/12/2016	-	1.661.049.151	3.953.839.658	-	5.614.888.809

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là: 733.626.745 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2016 là: 3.800.580.916 đồng.

Năm 2016 Công ty thay đổi thời gian trích khấu hao TSCĐ đối với một số TSCĐ mua sau năm 2012 làm cho số khấu hao năm 2016 giảm so với cách tính cùng kỳ năm trước 615.031.078 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền: 71.580.000 đồng.

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ	36.430.936.788	-	-	36.430.936.788
- Quyền sử dụng đất 2,3 ha	33.623.389.808	-	-	33.623.389.808
- Cơ sở hạ tầng trên đất 2,3 ha	2.807.546.980	-	-	2.807.546.980
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	(3.100.505.259)	(775.126.315)	-	(3.875.631.574)
- Quyền sử dụng đất 2,3 ha	(2.861.565.091)	(715.391.273)	-	(3.576.956.364)
- Cơ sở hạ tầng trên đất 2,3 ha	(238.940.168)	(59.735.042)	-	(298.675.210)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	33.330.431.529	-	-	32.555.305.214
- Quyền sử dụng đất 2,3 ha	30.761.824.717	-	-	30.046.433.444
- Cơ sở hạ tầng trên đất 2,3 ha	2.568.606.812	-	-	2.508.871.770



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	473.212.674.000	-	(473.212.674.000)	473.212.674.000	-	(473.212.674.000)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế (CICT)	473.212.674.000	-	(473.212.674.000)	473.212.674.000	-	(473.212.674.000)

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế (CICT) theo Hợp đồng liên doanh ngày 06/11/2007. Tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế là 51%. Số vốn đã góp tương ứng với 25.490.000 USD, tỷ lệ sở hữu theo đồng tiền ghi sổ VND là 50,08%. Căn cứ quy định tại Khoản 3 điều 8 Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Điều lệ của CICT, theo đó thực chất CICT không phải là Công ty con của Công ty.

Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) đến 31/12/2016 số tiền: 473.212.674.000 đồng. Cơ sở trích lập dự phòng, số lỗ lũy kế trên BCTC của CICT đã vượt quá vốn chủ sở hữu, theo đó Công ty đã trích lập 100% số vốn đầu tư vào CICT đến thời điểm 31/12/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	11.564.871.915	11.564.871.915	12.658.295.016	12.658.295.016
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	1.469.664.801	1.469.664.801	2.126.968.675	2.126.968.675
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	164.603.166	164.603.166	572.257.971	572.257.971
- Công Ty TNHH Cảnh Triệu	-	-	1.215.949.001	1.215.949.001
- Ban Quản lý dự án Hàng Hải 2	6.665.333.000	6.665.333.000	6.665.333.000	6.665.333.000
- Các đối tượng khác	3.265.270.948	3.265.270.948	2.077.786.369	2.077.786.369
Dài hạn	-	-	-	-
	11.564.871.915	11.564.871.915	12.658.295.016	12.658.295.016
Phải trả người bán là các bên liên quan	1.634.267.967	1.634.267.967	2.915.344.542	2.915.344.542
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	1.469.664.801	1.469.664.801	2.126.968.675	2.126.968.675
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	164.603.166	164.603.166	572.257.971	572.257.971
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	-	-	216.117.896	216.117.896

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp (*)	-	1.307.147.505	1.095.724.356	211.423.149
- Thuế thu nhập cá nhân (**)	(2.466.488)	52.812.768	51.242.590	(896.310)
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các loại thuế khác	-	15.945.811	15.945.811	-
	(2.466.488)	1.378.906.084	1.165.912.757	210.526.839

(*) Số thuế giá trị gia tăng đầu vào khấu trừ trong năm số tiền: 3.687.727.367 đồng

(**) Số thuế và các khoản phải thu nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	620.882.473	1.182.548
- Chi phí trích trước tạm tính chi phí	-	1.182.548
- Các khoản trích trước khác	620.882.473	-
Dài hạn	17.736.873.262	18.165.129.922
- Thuế nhà đất phải trả (*)	17.736.873.262	18.165.129.922
	18.357.755.735	18.166.312.470

(*) Tiền sử dụng đất các thửa số 2, 3, 4 của Cảng Cái Lân, Quảng Ninh; với tổng diện tích đất được giao là 157.345,5 m² tại Quyết định số 4869/QĐ-UBND ngày 25/12/2007; thời gian sử dụng từ năm 2008 đến tháng 5/2058. Công ty đã thực hiện tham gia góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế (CICT) bằng quyền sử dụng đất này. Số tiền thuế đất phải trả một năm là 428.256.660 đồng.

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	256.431.600	283.404.681
- Kinh phí công đoàn	95.387.168	86.296.865
- Bảo hiểm y tế	-	322.920
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	143.520
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	161.044.432	196.641.376
+ <i>Cố tức phải trả cố đông</i>	<i>139.625.000</i>	<i>139.625.000</i>
+ <i>Đang phí thu qua lương</i>	<i>1.686.845</i>	<i>8.233.440</i>
+ <i>Khoản phải trả phải nộp khác</i>	<i>19.732.587</i>	<i>48.782.936</i>
Dài hạn	-	-
	256.431.600	283.404.681

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	84.182.499.491	86.674.578.671
- Chênh lệch đánh giá góp vốn vào CICT	34.422.650.731	35.253.781.131
- Cho thuê mặt bằng 2,3 ha	49.759.848.760	51.420.797.540
- Cho thuê kho A1-2 Quang Minh	330.000.000	-
	84.512.499.491	86.674.578.671

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	-	2.052.110.000	2.052.110.000	2.052.110.000
<i>Vay ngắn hạn</i>						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (1)	-	-	-	1.252.110.000	1.252.110.000	1.252.110.000
- Công Ty TNHH Giang Tùng (2)	-	-	-	800.000.000	800.000.000	800.000.000
Vay dài hạn (Chi tiết theo kỳ hạn)	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	2.052.110.000	2.052.110.000	2.052.110.000

- (1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2015/HM/DTC/VTBN ngày 17/04/2015, hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và tài trợ thương mại;
 - Lãi suất cho vay: được áp dụng theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam – Chi nhánh Hạ Long tại thời điểm nhận nợ cho từng giấy nhận nợ và được tự động điều chỉnh theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hạ Long;
 - Tài sản đảm bảo: 18 Sômi Romooc tải chở Container và 17 xe ô tô đầu kéo hiệu Freightliner đã qua sử dụng được quy định cụ thể theo Hợp đồng thế chấp số 2013/HĐTC/ĐTC/VTBN ký ngày 12/04/2013 và Hợp đồng thế chấp số 2016/HĐTC2/ĐTC/VTBN ký ngày 06/05/2016;
- (2) Khoản vay theo Hợp đồng số 01/12/2015/HĐMT/CT-CPI ngày 28/12/2015 số tiền: 800.000.000 đồng, thời hạn vay từ 28/12/2015 đến hết ngày 28/02/2016 với lãi suất 0%/năm. Hợp đồng đã được thanh lý ngày 15/05/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2015	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(287.197.635.080)	91.856.101.016
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	(154.716.381.496)	(154.716.381.496)
31/12/2015	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(441.914.016.576)	(62.860.280.480)
01/01/2016	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(441.914.016.576)	(62.860.280.480)
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	(1.303.906.351)	(1.303.906.351)
31/12/2016	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(443.217.922.927)	(64.164.186.831)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	206.550.000.000	206.550.000.000
Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh	53.000.000.000	53.000.000.000
Công ty Cổ phần XNK Tổng hợp Hà Nội	18.000.000.000	18.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	87.500.000.000	87.500.000.000
	365.050.000.000	365.050.000.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	365.050.000.000	365.050.000.000
+ Vốn góp đầu năm	365.050.000.000	365.050.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	365.050.000.000	365.050.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2016	01/01/2016
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.500.000	40.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.505.000	36.505.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>36.505.000</i>	<i>36.505.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.505.000	36.505.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>36.505.000</i>	<i>36.505.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

19.5 CÁC QUỸ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	2.340.736.096	2.340.736.096
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	163.000.000	163.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu	51.507.649.075	69.964.735.108
Doanh thu cung cấp dịch vụ	49.846.700.295	68.303.786.328
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.660.948.780	1.660.948.780
Doanh thu với các bên liên quan	4.289.233.751	1.372.510.205
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	776.089.422	1.061.584.120
- Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh	3.400.044.329	310.926.085
- Công ty vận tải biển Container Vinalines	113.100.000	-

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán hàng hóa	-	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	45.948.265.247	62.398.012.482
Giá vốn kinh doanh bất động sản	775.126.315	775.126.315
	46.723.391.562	63.173.138.797

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.779.790	11.578.631
Lãi bán ngoại tệ	-	18.450.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.301.492	18.266.869
	7.081.282	48.295.500

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	6.183.697.576	6.694.814.908
Chi phí nhân viên quản lý	3.987.374.628	3.920.982.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.032.497.517	1.217.438.479
Chi phí bằng tiền khác	868.022.852	1.135.121.140
Chi phí quản lý khác	295.802.579	421.273.164
Các khoản chi phí bán hàng	617.538.162	673.251.535
Chi phí nhân viên	510.271.564	559.515.155
Chi phí dịch vụ mua ngoài	102.091.406	102.635.156
Chi phí bán hàng khác	5.175.192	11.101.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	18.236.347	39.353.634
Chênh lệch đánh giá lại tài sản góp vốn liên doanh	831.130.400	831.130.400
Các khoản khác	359.958.252	348.432.231
	1.209.324.999	1.218.916.265

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Phạt bồi thường, vi phạm hợp đồng	434.800.638	83.650.131
Các khoản chi phí khác	35.243.732	75.645.456
	470.044.370	159.295.587

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.303.906.351)	(154.716.381.496)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.453.735.227	256.182.548
- Lãi vay vốn kinh doanh	31.803.516	1.182.548
- Chi ủng hộ	5.000.000	1.000.000
- Chi trả thù lao Hội đồng quản trị	175.200.000	254.000.000
- Phạt chậm nộp thuế	260.811	-
- Chi phí khoán hỗ trợ thông quan	1.241.470.900	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận tính thuế TNDN	(36.593.816.898)	(17.321.023.573)
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền gửi	(19.510)	(273.069)
- Chênh lệch tạm thời do ghi nhận toàn bộ thu nhập đánh giá lại tài sản góp vốn	(831.130.400)	(831.130.400)
- Chênh lệch khoản trích dự phòng tổn thất Đầu tư tài chính	(35.762.666.988)	(16.489.620.104)
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	(36.443.988.022)	(171.781.222.521)
Thuế suất	20%	22%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Trong năm 2016, Công ty phát sinh chênh lệch tạm thời được khấu trừ từ các giao dịch:

Diễn giải	Chênh lệch tạm thời được khấu trừ chưa sử dụng
Ghi nhận chênh lệch đánh giá lại quyền sử dụng đất khi góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	35.253.781.131
Chênh lệch Chi phí lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khoản đầu tư vào Công ty con (xác định theo Thông tư 89/2013/TT-BTC và xác định theo cách tính thuế)	35.762.666.988
Lỗ tính thuế phát sinh năm 2013 được chuyển cho các năm sau	119.761.580.494
Lỗ tính thuế phát sinh năm 2014 được chuyển cho các năm sau	81.519.575.270
Lỗ tính thuế phát sinh năm 2015 được chuyển cho các năm sau	171.781.222.521
Lỗ tính thuế phát sinh năm 2016 được chuyển cho các năm sau	36.443.988.022
Tổng cộng	480.522.814.426

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng phần chênh lệch tạm thời được khấu trừ do Công ty đánh giá không chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 17 – “Thuế thu nhập doanh nghiệp”, để có thể sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(1.303.906.351)	(154.716.381.496)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	36.505.000	36.505.000
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(36)	(4.238)

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	4.298.468.647	6.711.474.220
Chi phí nhân công	8.845.421.893	8.557.183.166
Khấu hao tài sản cố định	3.271.814.340	3.640.521.207
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.785.129.838	49.255.256.859
Chi phí bằng tiền khác	2.323.792.582	2.376.769.788
	53.524.627.300	70.541.205.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, tiền và tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày như tại Thuyết minh số 3.14.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.044.453.298	1.017.176.332
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.286.833.624	13.360.056.049
Đầu tư dài hạn	-	-
	15.331.286.922	14.377.232.381
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	11.564.871.915	12.658.761.456
Chi phí phải trả	-	-
Công nợ tài chính khác	18.357.755.735	18.166.312.470
	29.922.627.650	30.825.073.926
Trạng thái ròng	(14.591.340.728)	(16.447.841.545)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường đến các công cụ tài chính của Công ty là thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam, các khoản phải thu của Công ty chiếm tỷ trọng lớn là số dư với các bên liên quan, giá trị rủi ro tối đa là giá trị trình bày trên Báo cáo tài chính. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản tiền gốc và tiền lãi (nếu có). Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	11.564.871.915	-	11.564.871.915
Chi phí phải trả	-	-	-
Công nợ tài chính khác	-	18.357.755.735	18.357.755.735
	11.564.871.915	18.357.755.735	29.922.627.650
01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	12.658.761.456	-	12.658.761.456
Chi phí phải trả	-	-	-
Công nợ tài chính khác	-	18.166.312.470	18.166.312.470
	12.658.761.456	18.166.312.470	30.825.073.926

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.044.453.298	-	4.044.453.298
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.286.833.624	-	11.286.833.624
Đầu tư dài hạn	-	-	-
	15.331.286.922	-	15.331.286.922
01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.017.176.332	-	1.017.176.332
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.360.056.049	-	13.360.056.049
Đầu tư dài hạn	-	-	-
	14.377.232.381	-	14.377.232.381

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Chỉ tiêu	Cung cấp dịch vụ	Cho thuê cơ sở hạ tầng khu đất 2,3ha	Dùng chung cho các hoạt động	Tổng bộ phận đã báo cáo
KẾT QUẢ KINH DOANH				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	49.846.700.295	1.660.948.780	-	51.507.649.075
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-	-
Giá vốn	45.948.265.247	775.126.315	-	46.723.391.562
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	7.081.282	7.081.282
Chi phí tài chính	-	-	33.290.037	33.290.037
Chi phí bán hàng	-	-	617.538.162	617.538.162
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	6.183.697.576	6.183.697.576
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.898.435.048	885.822.465	(6.827.444.493)	(2.043.186.980)
Thu nhập khác	-	-	1.209.324.999	1.209.324.999
Chi phí khác	-	-	470.044.370	470.044.370
Lợi nhuận khác	-	-	739.280.629	739.280.629
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.898.435.048	885.822.465	(6.088.163.864)	(1.303.906.351)

Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý: Công ty hoạt động trong trong một môi trường kinh tế, không có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. THÔNG TIN KHÁC

32.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Ngoại tệ các loại		
+ USD	615,28	540,66

32.2 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của ban Tổng Giám đốc

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương, thưởng	657.775.093	651.121.819

32.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.




Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2017


Nguyễn Tư Thịnh
Kế toán trưởng


Vũ Thị An
Người lập

